

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HSST
Ngày: 20/10/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hòa;

Bà Võ Thị Ngọc,

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 124/2023/HSST ngày 06 tháng 10 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Xuân L, sinh năm 1975, tại tỉnh Nghệ An.

Căn cước công dân số: 040075002XXX; cấp ngày 10/4/2021.

Nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân B và bà Lương Thị T; bị cáo có vợ và 03 người con, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

2. Chu Văn N, sinh năm 1979, tại tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cước công dân số: 042079012XXX; cấp ngày 28/6/2021.

Nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn L và bà Phan Thị N; bị cáo có vợ và 03 người con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

- Người bị hại: Lê Công T, sinh năm 1977, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân L và Chu Văn N cùng làm rẫy thuê cho ông Tưởng Duy Sơn tại Thôn X, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Khoảng 17 giờ ngày 26/6/2023, trong khi đang bóc mủ chén tại vườn ông Sơn thì L nhìn thấy vườn Sầu riêng của anh Lê Quang T gần đó có quả đến thời điểm thu hoạch nhưng không có người trông coi nên rủ N lấy Sầu riêng. thì N đồng ý. L dùng 01 con dao thái lan cán gỗ để cắt còn N dùng tay bẻ quả Sầu riêng, cả hai lén lút lấy được 35 quả Sầu riêng Thái của anh T mang cất giấu ở vườn cao su ông Sơn và vườn cà phê gần đó. Khoảng 18 giờ cùng ngày, anh T nghe tiếng chó sủa nên đi ra kiểm tra thì thấy số quả Sầu riêng đã bị cắt và giấu ở trong vườn cà phê, L và N đang dắt xe mô tô biển số: 93F5-61XX ở gần đó nên yêu cầu cả hai dừng lại đồng thời trình báo Công an xã Minh Hưng giải quyết, tiến hành cân 35 quả Sầu riêng có tổng trọng lượng 127 kg. Qua làm việc Nguyễn Xuân L và Chu Văn N đã thừa nhận hành vi của mình như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 43 ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bù Đăng, kết luận: Giá 127kg Sầu riêng thái tại thời điểm 26/6/2023 là: $60.000đ/01kg \times 127kg = 7.620.000$ đồng.

- Về vật chứng vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng đã xử lý:

- + 35 quả Sầu riêng có tổng trọng lượng 127 kg đã trả cho anh Lê Công T.
- + 01 con dao là công cụ sử dụng vào việc phạm tội chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.
- + Xe mô tô biển số: 93F5-61XX của Nguyễn Xuân L không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị can Nguyễn Xuân L và Chu Văn N đã bồi thường cho người bị hại Lê Công T 7.000.000 đồng, người bị hại đã làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo.

Tại Cáo trạng số 124/CT – VKS.BĐ ngày 06/10/2023, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N về Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát khẳng định nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố. Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Về hình phạt, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Đề nghị xử phạt bị cáo Chu Văn N từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Hai bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng hai bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo: Ngày 26/6/2023, Nguyễn Xuân L và Chu Văn N lén lút chiếm đoạt 35 quả Sầu riêng có tổng trọng lượng 127 kg với trị giá 7.260.000 đồng của anh Lê Công T tại Thôn X, xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian, địa điểm và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N đã phạm vào Tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội hai bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, chỉ vì lười lao động nhưng lại muốn có tiền tiêu xài. Hai bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi của hai bị cáo còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương.

Xét toàn bộ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo Nguyễn Xuân L là người khởi xướng và rủ bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo L phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội trộm cắp tài sản với vai trò khởi xướng và là người thực hành tích cực.

Bị cáo Chu Văn N khi được L rủ trộm cắp tài sản đã đồng ý và cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về Tội trộm cắp tài sản với vai trò đồng phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Hai bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hai bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã bồi thường khắc phục hậu quả và được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét toàn bộ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của hai bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy cần xử bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị của Viện kiểm sát về việc miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện đối với các bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ 35 quả Sầu riêng có tổng trọng lượng 127 kg đã trả cho anh Lê Công T.

+ Xe mô tô biển số: 93F5-61XX của Nguyễn Xuân L không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Các tài sản trên đã được trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cần tịch thu tiêu hủy: 01 con dao là công cụ sử dụng vào việc phạm tội chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường, đã làm đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo là người lao động, có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ nên miễn chấp hành hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc hai bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Quan điểm xử lý vụ án của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L 01 năm (một năm tù) cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm (hai năm) kể từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Chu Văn N 09 tháng tù (chín tháng tù) cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 năm, 06 tháng (một năm, sáu tháng) kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 con dao là công cụ sử dụng vào việc phạm tội chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng để phục vụ việc truy tố, xét xử.

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L và Chu Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước.
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc Thanh